



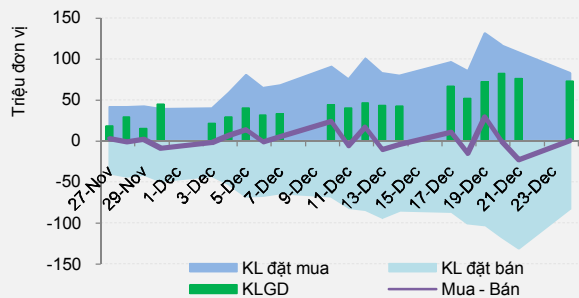
BAN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 24/12/2012

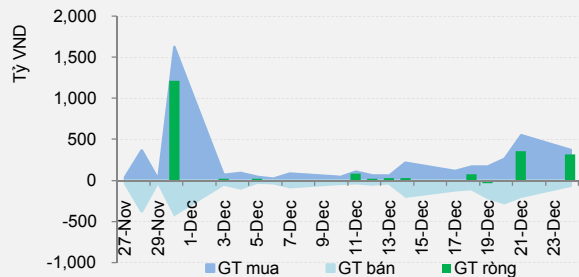
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	399.7	55.0
% Thay đổi	↑ 0.7%	↑ 1.8%
KLGD (CP)	73,069,068	60,956,527
GTGD (tỷ đồng)	1,270.97	450.24
Tổng cung (CP)	82,477,470	75,827,700
Tổng cầu (CP)	82,752,660	88,452,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	2,444,450	243,184
KL mua (CP)	6,857,720	355,600
GTmua (tỷ đồng)	379.64	3.07
GT bán (tỷ đồng)	62.27	1.56
GT ròng (tỷ đồng)	317.37	1.51

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 1.69%	6.8	1.3	0.8%
Công nghiệp	↑ 1.17%	11.5	0.8	8.7%
Dầu khí	↑ 1.01%	4.9	1.0	1.4%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.83%	2.5	1.1	6.3%
Dược phẩm và Y tế	↑ 1.88%	6.1	2.0	0.1%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.17%	11.2	4.0	29.1%
Ngân hàng	↓ -0.52%	5.1	1.3	8.6%
Nguyên vật liệu	↓ -0.01%	6.2	2.0	8.3%
Tài chính	↑ 1.45%	24.2	2.8	19.1%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 1.20%	12.0	2.4	17.5%
VN - Index	↑ 0.74%	11.3	2.5	74.1%
HNX - Index	↑ 1.76%	12.6	1.4	25.9%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	668,570	1.1%	2,146,370	3.5%
GTGD (tỷ VND)	7,302	1.0%	22,348	3.2%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- VN-Index tăng điểm nhẹ lên mức 399.71 điểm, tăng 2.93 điểm tương ứng với mức 0.74% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 37.3 triệu đơn vị, giảm 39.2% so với phiên trước.

- HNX-Index tăng điểm mạnh lên mức 55 điểm, tăng 0.95 điểm tương ứng với mức 1.76% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 48.1 triệu đơn vị, giảm 1.2% so với phiên trước.

- Đa số cổ phiếu có vốn hóa lớn đều tăng điểm với mức tăng nhẹ như GAS tăng 1.58%, VIC tăng 0.68%, VCB tăng 0.37%, VNM tăng 0.6%, MSN tăng 2%... Trong nhóm cổ phiếu vốn hóa chỉ có vài cổ phiếu giảm điểm như CTG giảm 2.58%, STB giảm 3.48% và HPG giảm 0.97%.

- Theo TCTK, CPI tháng 12 tăng 0.27% so tháng trước. CPI cả năm 2012 tăng 6.81%, với GDP tăng 5.03%, thấp hơn mức tăng trưởng 5.2% theo dự kiến của Chính phủ. Như vậy CPI tiếp tục giảm trong 3 tháng gần đây do sức mua yếu, đảo ngược xu hướng tăng theo chu kỳ thời điểm cuối năm và đầu năm mới. Với diễn biến hạ nhiệt của lạm phát, NHNN đã giảm 1% các loại lãi suất chủ chốt và trần lãi suất huy động kỳ hạn từ 1 tháng – 12 tháng.

- Tham khảo thực tế trên thị trường tiền tệ, lãi suất huy động cho vay của Ngân hàng tiếp tục ổn định. Lãi suất liên Ngân hàng vẫn trong chiều hướng giảm nhẹ khi thời điểm nộp dự trữ bắt buộc của Ngân hàng đã qua. Diễn biến này cho thấy mức thanh khoản cao của hệ thống Ngân hàng, khi tăng trưởng tín dụng thấp và lượng tiền NHNN cung ứng nhằm mua vào ngoại tệ trong năm 2012 không nhỏ. Tính toán theo số liệu dự trữ ngoại tệ tăng gấp đôi do Phó thống đốc NHNN tuyên bố, tương đương khoảng 10 tỷ USD (mức dự trữ ngoại hối cuối năm 2011 theo ADB là 9 tỷ USD), NHNN đã cung ứng ra thị trường khoảng 210,000 tỷ đồng.

- NHNN đã hút dòng tiền về qua việc phát hành tín phiếu. Từ ngày 15/3, NHNN đã phát hành tổng cộng 169,972 tỷ tín phiếu, đã có 114,352 tỷ đáo hạn và còn 55,620 tỷ tín phiếu chưa đáo hạn. Mặt khác tổng cầu yếu khiến áp lực lạm phát chưa là vấn đề nóng trong năm 2012. Tuy nhiên việc quản lý hiệu quả dòng tiền là vấn đề cần quan tâm trong năm tài khóa mới, đặc biệt khi NHNN sẽ cung ứng một lượng vốn không nhỏ nhằm giải cứu thị trường BĐS.

Nhận định: Thị trường có phiên tăng điểm khá mạnh tuy nhiên khối lượng giao dịch lại sụt giảm đáng kể so với phiên hôm qua. Với phiên tăng điểm này thì cả hai chỉ số đều tiếp cận với mốc kháng cự quan trọng là 400-405 với VN-Index và 56.5 với HNX-Index. Nếu cả hai chỉ số có thể vượt qua khu vực kháng cự này thì thị trường sẽ xác định xu thế tăng trung hạn. Nếu chỉ số thị trường break và xác định xu thế tăng trung hạn thì sẽ xuất hiện tín hiệu overbought và thị trường khả năng sẽ điều chỉnh sau tín hiệu break này. Nhà đầu tư quan sát và giải ngân nếu xuất hiện tín hiệu điều chỉnh sau khi xác định xu thế tăng trung hạn.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Giảm

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Giảm

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

VN-INDEX

- VN-Index tăng điểm nhẹ lên mức 399.71 điểm, tăng 2.93 điểm tương ứng với mức 0.74% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch giảm mạnh so với phiên trước và ở dưới mức bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.
- VN-Index tăng điểm trở lại lên mức 379 điểm, break mức kháng cự của trendline ngắn hạn, break qua mức kháng cự của MA20 và tiếp tục break qua mức kháng cự của MA50 và trendline trung hạn. Khối lượng giao dịch tăng mạnh trong các phiên break làm cho tín hiệu break tin cậy hơn và đây cũng là những tín hiệu kỹ thuật tích cực cho chỉ số VN-Index.
- Chỉ số RSI xuất hiện sự phân kỳ khi VN-Index break nhẹ đỉnh hôm trước trong khi RSI vẫn chưa break.
- Mức kháng cự cho chỉ số VN-Index là khu vực 400-405 điểm.

Nhận định: Với tăng điểm này thì chỉ số VN-Index đã tiếp cận đến khu vực kháng cự mạnh 400-405 điểm là khu vực kháng cự khá mạnh. Nếu chỉ số VN-Index có thể vượt qua mức kháng cự này thì chỉ số VN-Index sẽ chuyển từ xu thế tăng ngắn hạn sang xu thế tăng trung hạn. Với tín hiệu overbought hiện tại thì nếu chỉ số VN-Index break và xác định xu thế tăng trung hạn thì chỉ số VN-Index khả năng sẽ điều chỉnh sau tín hiệu break này. Nhà đầu tư quan sát và giải ngân nếu xuất hiện tín hiệu điều chỉnh sau khi xác định xu thế tăng trung hạn.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng điểm mạnh lên mức 55 điểm, tăng 0.95 điểm tương ứng với mức 1.76% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ so với phiên trước và ở dưới mức bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.
- HNX-Index break qua trendline trung hạn, break qua mức kháng cự của đường MA20 và tiếp tục break qua mức kháng cự 52.5 với khối lượng giao dịch tăng mạnh. Khối lượng giao dịch tăng mạnh trong các phiên break làm cho tín hiệu break tin cậy hơn và đây cũng là những tín hiệu kỹ thuật tích cực cho chỉ số HNX-Index
- Chỉ số RSI phân kỳ với chỉ số HNX-Index.
- Mức kháng cự cho chỉ số HNX-Index là khu vực 56 điểm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tăng điểm mạnh và với phiên tăng điểm này thì chỉ số HNX-Index đã tiếp cận với khu vực kháng cự mạnh 56.5 điểm. Nếu chỉ số HNX-Index có thể break mức kháng cự này thì chỉ số HNX-Index sẽ chuyển từ xu thế tăng ngắn hạn sang xu thế tăng trung hạn. Nếu chỉ số HNX-Index break và xác định xu thế tăng trung hạn thì sẽ xuất hiện tín hiệu overbought và thị trường khả năng sẽ điều chỉnh sau tín hiệu break này. Nhà đầu tư quan sát và giải ngân nếu xuất hiện tín hiệu điều chỉnh sau khi xác định xu thế tăng trung hạn.

**Khuyến nghị đã đóng**

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá đóng khuyến nghị	Hiệu suất (%)
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23

Ghi chú:

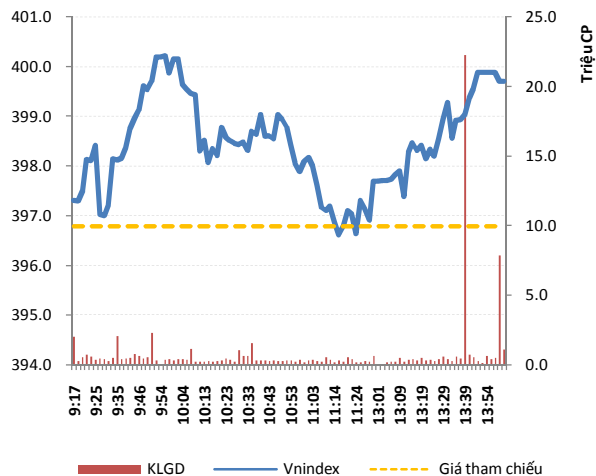
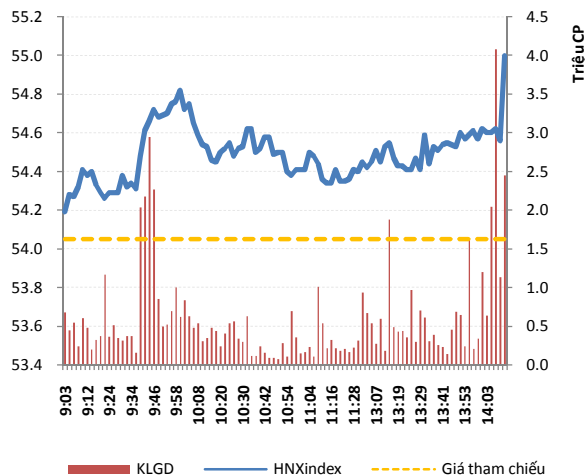
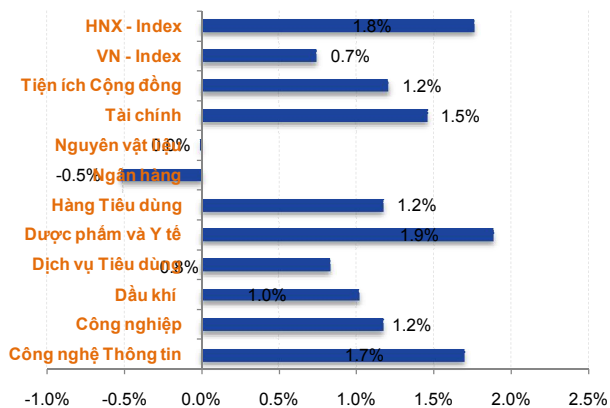
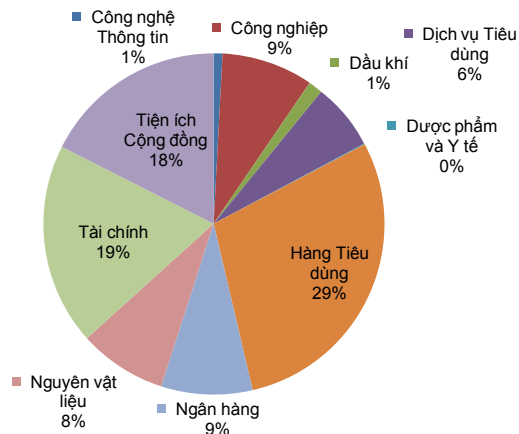
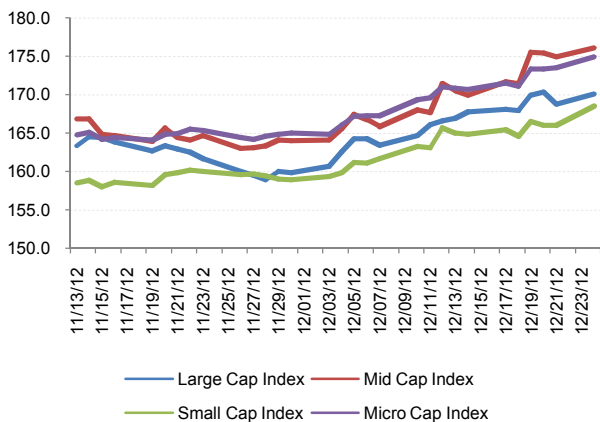
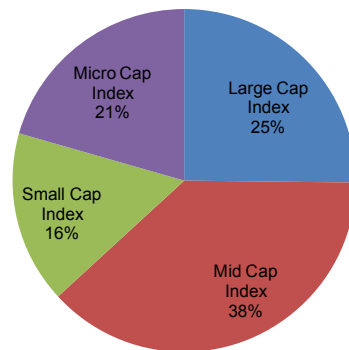
Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán khống mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH
KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MSN	3,288,190	DRC	375,800
2	ITA	253,350	TTP	187,290
3	IJC	253,330	BMC	83,000
4	STB	155,650	SAM	76,810
5	MBB	150,000	VIC	67,050

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVX	98,600	HPC	50,000
2	PVS	52,300	PVL	40,900
3	VND	50,000	SHS	29,400
4	VCG	22,400	PVI	19,000
5	SED	11,000	SCR	15,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PPC	12.8	12.2	↓ -4.69%	22,015,230
MSN	99.0	101.0	↑ 2.02%	3,320,610
LCM	16.2	16.5	↑ 1.85%	2,364,300
CTG	19.4	18.9	↓ -2.58%	2,016,560
SSI	15.3	15.8	↑ 3.27%	1,990,550

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	5.3	5.3	→ 0.00%	7,304,336
PVX	4.7	4.9	↑ 4.26%	6,304,975
OCH	17.1	17.0	↓ -0.58%	5,972,284
SCR	6.0	6.0	→ 0.00%	5,332,000
KLS	7.7	8.2	↑ 6.49%	4,306,800

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VSG	1.0	1.1	0.1	↑ 10.00%
SBS	1.2	1.3	0.1	↑ 8.33%
CYC	2.0	2.1	0.1	↑ 5.00%
PDR	14.0	14.7	0.7	↑ 5.00%
HOT	24.7	25.9	1.2	↑ 4.86%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GGG	1.0	1.1	0.1	↑ 10.00%
NVC	1.1	1.2	0.1	↑ 9.09%
PSG	1.2	1.3	0.1	↑ 8.33%
TLT	1.2	1.3	0.1	↑ 8.33%
VCH	1.2	1.3	0.1	↑ 8.33%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VES	1.1	1.0	-0.1	↓ -9.09%
DXV	4.0	3.8	-0.2	↓ -5.00%
DHM	26.6	25.3	-1.3	↓ -4.89%
SJS	22.5	21.4	-1.1	↓ -4.89%
VTF	25.0	23.8	-1.2	↓ -4.80%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
L62	6.0	5.6	-0.4	↓ -6.67%
LM7	3.0	2.8	-0.2	↓ -6.67%
VCM	10.5	9.8	-0.7	↓ -6.67%
VHL	10.5	9.8	-0.7	↓ -6.67%
VNN	4.5	4.2	-0.3	↓ -6.67%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PPC	22,015,230	-6.1%	(630)	-	1.1
MSN	3,320,610	13.4%	3,619	27.9	4.5
LCM	2,364,300	33.3%	4,166	4.0	1.3
CTG	2,016,560	21.6%	2,562	7.4	1.5
SSI	1,990,550	7.8%	1,136	13.9	1.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	7,304,336	-16.0%	(2,047)	-	0.6
PVX	6,304,975	-9.0%	(1,001)	-	0.5
OCH	5,972,284	10.2%	1,125	15.1	1.5
SCR	5,332,000	1.5%	245	24.5	0.4
KLS	4,306,800	0.1%	17	471.9	0.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VSG	↑ 10.0%	-300.9%	(4,555)	(0.2)	(18.1)
SBS	↑ 8.3%	-145.7%	(3,802)	(0.3)	(0.7)
CYC	↑ 5.0%	5.8%	665	3.2	0.2
PDR	↑ 5.0%	0.6%	61	239.6	1.3
HOT	↑ 4.9%	30.7%	4,398	5.9	1.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
GGG	↑ 10.0%	-224.0%	(5,585)	(0.2)	1.1
NVC	↑ 9.1%	-54.8%	(5,095)	(0.2)	0.3
PSG	↑ 8.3%	-88.1%	(5,531)	(0.2)	0.5
TLT	↑ 8.3%	-923.7%	(4,244)	(0.3)	(0.8)
VCH	↑ 8.3%	434.5%	(9,419)	(0.1)	(0.2)

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	3,288,190	13.4%	3,619	27.9	4.5
ITA	253,350	1.1%	145	31.0	0.3
IJC	253,330	11.4%	1,280	7.3	0.8
STB	155,650	14.2%	2,441	7.9	1.3
MBB	150,000	22.1%	3,210	3.8	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	98,600	-9.0%	(1,001)	-	0.5
PVS	52,300	25.2%	4,303	3.2	0.9
VND	50,000	-0.2%	(22)	-	0.8
VCG	22,400	4.9%	541	13.9	0.7
SED	11,000	23.7%	3,184	2.9	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	73,526	26.0%	4,692	8.3	2.8
VNM	69,600	38.6%	6,254	13.4	5.0
MSN	69,415	13.4%	3,619	27.9	4.5
VCB	60,485	10.8%	1,832	14.2	1.5
VIC	51,834	18.3%	2,404	30.8	5.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,003	18.5%	2,603	6.1	1.2
SQC	8,778	12.0%	1,388	57.5	6.6
PVS	6,075	25.2%	4,303	3.2	0.9
SHB	4,696	-16.0%	(2,047)	-	0.6
PVI	3,465	6.7%	1,810	8.5	0.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PTC	2.80	-10.4%	(2,501)	-	0.3
VSG	2.59	-300.9%	(4,555)	-	(18.1)
BVH	2.51	12.3%	2,122	16.7	2.1
LCM	2.47	33.3%	4,166	4.0	1.3
DXG	2.37	3.9%	522	20.3	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HDO	2.59	4.0%	463	14.1	0.6
PSG	2.49	-88.1%	(5,531)	-	0.5
PVV	2.44	-27.6%	(2,831)	-	0.3
KHB	2.37	-2.4%	(380)	-	0.2
VIG	2.27	-45.8%	(2,984)	-	0.3

Hiện dòng tiền đang có xu hướng quan tâm đến nhóm cổ phiếu BĐS, sau khi Chính phủ và các bộ ngành có liên quan đưa ra các giải pháp nhằm phá băng thị trường. Chúng tôi đã lọc ra danh sách 20 mã cổ phiếu BĐS trên hai sàn theo tiêu chí EPS giảm dần, cùng các chỉ tiêu tài chính đi kèm để nhà đầu tư tiện theo dõi.

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 20 CỔ PHIẾU BĐS LỌC THEO CHỈ TIÊU EPS

Mã CK	LN Q3 (tỷ đồng)	LN 9 tháng yoy	% kế hoạch	EPS (đ)	BV (đ)	ROA	ROE	P/E	P/E Ngành	Dividend yeild	Beta	Biến động giá
D11	0.11	-95.87%	2.87%	10,002	24,777	15.31%	28.32%	1.14	26.95	34.19%	0.77	0.00%
RCL	3.27	13.90%	78.82%	4,688	34,881	8.16%	13.85%	4.10	26.95	11.36%	0.3	14.29%
TIX	16.94	-41.13%	43.81%	3,804	22,363	8.44%	16.83%	5.36	26.95	10.81%	1.07	7.37%
D2D	11.06	-58.21%	76.19%	3,423	32,209	4.69%	11.04%	4.97	26.95	11.56%	0.5	-3.41%
VC3	3.00	-43.21%	38.89%	3,132	27,155	1.79%	11.27%	3.35	26.95	20.00%	0.37	-24.46%
HDG	11.27	-44.15%	19.69%	2,874	13,521	8.61%	21.56%	4.31	26.95	0.00%	1.76	12.73%
SZL	7.22	33.32%	63.78%	2,662	26,140	4.84%	10.24%	4.51	26.95	12.10%	0.6	3.45%
BCI	4.09	140.25%	96.05%	2,620	24,657	4.61%	10.73%	5.95	26.95	11.69%	1.44	13.87%
NBB	15.55	30.01%	15.84%	2,455	56,450	1.68%	4.34%	10.14	26.95	6.17%	-0.42	-22.19%
CSC	2.35	191.42%	47.66%	2,447	32,173	1.70%	8.19%	3.51	26.95	11.76%	0.31	2.38%
KHA	11.08	74.12%	73.89%	2,280	21,969	7.32%	10.63%	5.53	26.95	15.15%	0.74	32.63%
LHG	7.10	-56.19%	21.43%	2,279	22,844	3.39%	9.94%	6.23	26.95	0.00%	-0.77	2.90%
VIC	120.72	323.97%	45.09%	2,171	14,017	3.64%	18.31%	33.85	26.95	0.00%	0.92	0.00%
KAC	-24.12	2766.42%	205.25%	2,069	14,242	6.79%	14.98%	4.40	26.95	3.70%	-0.43	-33.58%
CCI	5.38	-10.28%	60.12%	2,039	14,714	4.10%	13.61%	4.56	26.95	17.24%	0.87	6.90%
C21	10.13	-39.69%	29.18%	1,918	27,930	5.81%	7.03%	7.14	26.95	13.99%	-0.16	-2.14%
HDC	4.73	-58.87%	20.99%	1,892	20,310	4.05%	9.27%	7.30	26.95	7.14%	0.84	0.00%
NTL	-1.93	-62.81%	5.45%	1,568	13,669	4.58%	10.98%	9.82	26.95	10.49%	2.18	13.24%
IJC	62.23	58.18%	46.73%	1,280	10,943	7.90%	11.44%	7.19	26.95	14.46%	1.93	15.00%
FDC	7.67	89.14%	77.11%	1,202	18,499	3.76%	6.61%	16.88	26.95	6.82%	-0.76	-9.78%

Nguồn: Stoxplus

Ghi chú:

EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

BV tính theo báo cáo tài chính quý quý 3, năm 2012

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 24/12.

Biến động giá so với điểm đáy ngày 28/11/2012.



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Lê Thanh Hòa

Hoa.lt@shs.com.vn

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)